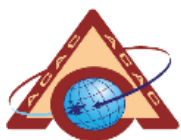


BẢN TIN TÀI CHÍNH & THUẾ



CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN & KIỂM TOÁN **ANH**



Bản tin đầu tư

Tài chính & thuế

Kỳ 15/01/2019

Phát hành định kỳ 2 kỳ/tháng



BẢN TIN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ THUẾ

Phát hành định kỳ: 2 kỳ/tháng

(Kỳ 15/01/2019)

Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	2-3
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	3
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)	4-5
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	6-7
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	8-10
CÁC VĂN BẢN KHÁC	11



THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư

Theo **Công văn số 5342/TCT-CS** ngày 26/12/2018 của TCT, trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư, trong giai đoạn đầu tư cơ sở kinh doanh có phát sinh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ dự án đầu tư, nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư nêu trên đáp ứng điều kiện về khấu trừ thuế GTGT theo quy định và dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư thì Cơ quan thuế xử lý hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư cho cơ sở kinh doanh theo quy định tại Luật 106/2016/QH13, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.



Khấu trừ, hoàn thuế GTGT

Theo **Công văn số 5415/TCT-CS** ngày 28/12/2018 của TCT, ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua. Trường hợp Công ty A (Bên mua) mua nệm của Công ty B (Bên bán) để sản xuất hàng xuất khẩu, theo hợp đồng mua bán, Bên bán xuất nệm kèm theo phiếu xuất kho, Bên mua nhận hàng và nhập kho, định kỳ hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu hàng hóa làm cơ sở Bên bán xuất hóa đơn GTGT cho Bên mua để Bên mua kê khai thuế là không đúng quy định.

Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu, Cục Thuế tỉnh kiểm tra, xác minh tình hình thực tế tại Công ty A và Công ty B (Hợp đồng mua bán hàng hóa, Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho, chứng từ vận chuyển, chứng từ thanh toán, thực tế hàng hóa nhập - xuất - tồn, tình hình kê khai nộp thuế...).

Chính sách thuế GTGT

Theo **Công văn số 5432/TCT-CS** ngày 28/12/2018 của TCT, về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu: Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018 thì thuộc đối tượng không được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ ngày 01/2/2018 sau đó xuất khẩu từ ngày 01/02/2018 mà hàng hóa xuất khẩu đó thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản

Từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/2/2018, trường hợp Công ty mua Xi sắt thu được từ công nghiệp luyện sắt, thép Việt Nam sau đó xuất khẩu thì thuộc đối tượng xác định tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm theo quy định tại Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 01/2/2018, thực hiện theo quy định tại Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet của tổ chức nước ngoài

Theo **Công văn số 5215/TCT-CS** ngày 19/12/2018 của TCT, về nguyên tắc tổ chức ở nước ngoài (Bên chuyển nhượng) ký hợp đồng với một tổ chức ở nước ngoài khác (Bên nhận chuyển nhượng) để chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet (tên miền này có nguồn gốc từ Việt Nam do Trung tâm Internet Việt Nam cấp, quản lý) thông qua Nhà đăng ký tên miền ở nước ngoài và phát sinh thu nhập thì Bên chuyển nhượng thuộc đối tượng nộp thuế TNDN tại Việt Nam theo tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 2%.

Về cơ chế khai, nộp thuế: Khi Nhà đăng ký tên miền thông báo cho Công ty A về việc các bên liên quan ở nước ngoài muốn chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet, Công ty A có trách nhiệm thông báo cho Nhà đăng ký tên miền ở nước ngoài và Bên chuyển nhượng biết nghĩa vụ thuế tại Việt Nam của Bên chuyển nhượng, đồng thời đề nghị Nhà đăng ký tên miền ở nước ngoài thực hiện thu hộ số thuế TNDN phải nộp của Bên chuyển nhượng, sau đó Công ty A khấu trừ số thuế TNDN nêu trên từ Nhà đăng ký tên miền và khai, nộp thay cho Bên chuyển nhượng số thuế TNDN phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Phí hội viên là khoản được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Theo **Công văn số 01/HTVT-VP** ngày 03/01/2019 của Hội Tư vấn thuế Việt Nam hướng dẫn về khoản phí hội viên tham gia Hội Tư vấn Thuế Việt Nam. Theo đó: khoản phí hội viên mà doanh nghiệp đóng hàng năm theo mức quy định tại Điều lệ Hội Tư vấn thuế Việt Nam và có chứng từ (phiếu thu) do Hội Tư vấn thuế Việt Nam phát hành, là khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

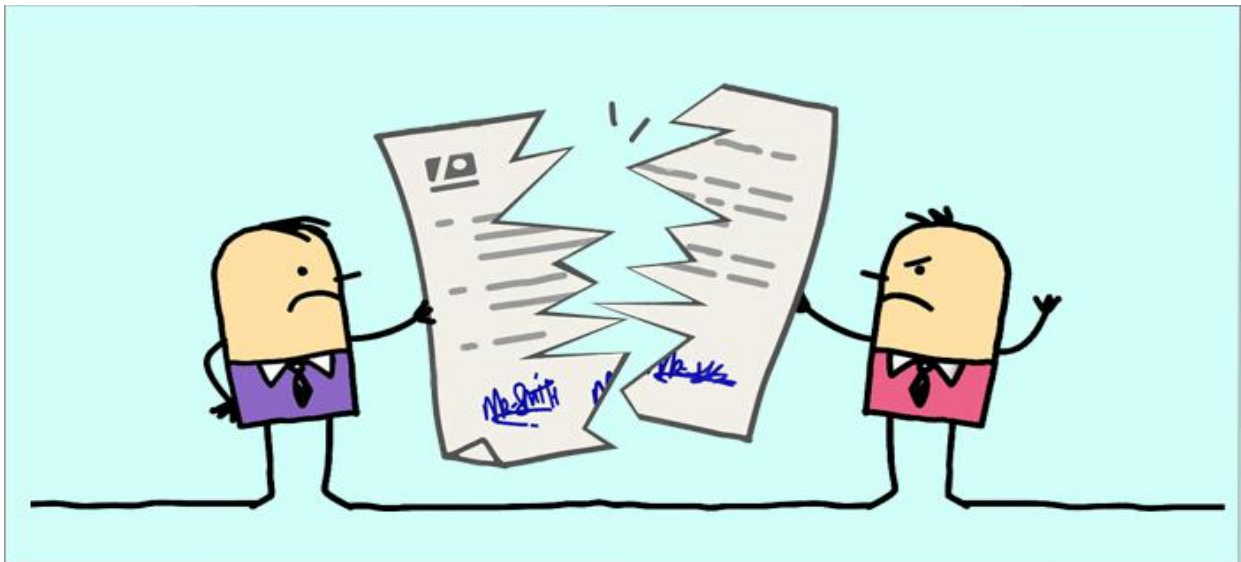
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Chính sách thuế TNCN đối với khoản trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động

Theo **Công văn số 5300/TCT-DNNCN** ngày 24/12/2018 của TCT, trường hợp khoản trợ cấp do Ngân hàng A chi trả cho cá nhân B khi chấm dứt hợp đồng lao động là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động thì việc xác định thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

Trường hợp khoản trợ cấp nêu trên không vượt quá mức quy định của pháp luật lao động về trợ cấp thôi việc thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân B.

Trường hợp khoản trợ cấp nêu trên vượt quá mức quy định của pháp luật lao động về trợ cấp thôi việc thì phần vượt tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân B.



Thu nhập cá nhân đối với thu nhập làm thêm giờ nhận được từ nước ngoài

Theo **Công văn số 14/TCT-DNNCN** ngày 03/01/2018 của TCT, trường hợp cá nhân có thu nhập từ nước ngoài từ tiền lương, tiền công do làm việc ban đêm, làm thêm giờ, phần thu nhập được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ là thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Cách xác định phần thu nhập được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ tương tự cách xác định đối với phần thu nhập được trả cao hơn do làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại Việt Nam. Cá nhân nhận thu nhập có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan thuế các chứng từ liên quan đến việc xác định phần thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Khoản trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động

Theo **Công văn số 5361/TCT-DNNCN** ngày 27/12/2018 của TCT, căn cứ vào thông báo chấm dứt hợp đồng lao động ngày 01/4/2017 và bảng chi tiết lương thưởng khi nghỉ việc thì khoản tiền Công ty A (Nhật Bản) chi trả cho cá nhân B khi chấm dứt hợp đồng lao động với lý do được bổ nhiệm vào ban điều hành là khoản tiền trợ cấp khi nghỉ việc, không phải là trợ cấp thôi việc theo pháp luật lao động Việt Nam.

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, ý kiến của Bộ Lao động Thương binh và xã hội và hồ sơ của người nộp thuế, quan hệ lao động giữa cá nhân B và Công ty A không thuộc đối tượng điều chỉnh của Bộ luật lao động Việt Nam và khoản tiền trợ cấp do Công ty A chi trả cho cá nhân B khi chấm dứt hợp đồng lao động với lý do được bổ nhiệm vào ban điều hành là khoản tiền trợ cấp khi nghỉ việc, không phải là trợ cấp thôi việc theo pháp luật lao động Việt Nam.

Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản và không vượt quá mức quy định của pháp luật lao động Nhật Bản về trợ cấp thôi việc thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân B.

Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản và vượt quá mức quy định của pháp luật lao động Nhật Bản về trợ cấp thôi việc thì phần vượt tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân B. Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên không phải là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản thì tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân B.



Quyết toán thuế TNCN cho người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp

Theo **Công văn số 73/TCT-DNNCN** ngày 05/01/2019 của TCT, Công ty bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân bán hàng đa cấp thì không phải khai quyết toán thuế đối với nghĩa vụ này. Trường hợp Công ty đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và nộp ngân sách Nhà nước với mức thuế suất cao hơn so với quy định hiện hành thì Công ty sẽ được xử lý hoàn lại số thuế nộp thừa theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Tuy nhiên, do Công ty đã cấp chứng từ khấu trừ thuế cho các cá nhân và không thể thu hồi lại toàn bộ chứng từ khấu trừ nên việc xử lý hoàn nộp thừa sẽ được thực hiện đối với từng cá nhân khi cá nhân có yêu cầu hoàn nộp thừa theo quy định.

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để SX XK

Theo Công văn số 79/TCHQ-TXNK ngày 03/01/2019, về việc miễn thuế nhập khẩu, từ ngày 01/9/2016, trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu mà giao một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và xuất khẩu sản phẩm; trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu, đã đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất, sau đó thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn và nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP (không đáp ứng điều kiện có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu) nên phần hàng hóa nhập khẩu đã đưa cho doanh nghiệp khác sản xuất hoặc gia công không thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu.



Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện khai thay đổi mục đích sử dụng như quy định nêu trên, cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế theo quy định. Căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, tỷ giá tính thuế, trị giá tính thuế của nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực hiện

theo tờ khai nhập khẩu ban đầu. Ngoài ra, cơ quan hải quan thực hiện tính tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định đối với số hàng hóa này.

Về việc hoàn thuế nhập khẩu: trường hợp công ty sau khi khai thay đổi mục đích sử dụng đã nộp thuế nhập khẩu cho phần hàng hóa nhập khẩu nhưng giao cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất, xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng quy định về cơ sở xác định hàng hóa được hoàn thuế tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP nên không được hoàn thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, vật tư đã giao cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn.

Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản

Theo **Công văn số 53/TCT-CS** ngày 05/01/2019 của TCT, trường hợp Công ty A được Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án trước ngày 01/7/2014 nhưng sau ngày 01/7/2014 mới nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản thời điểm nộp hồ sơ ngày 12/10/2015) và thành phần hồ sơ thời điểm nộp hồ sơ tuân thủ quy định tại Công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015 của Bộ Tài chính, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ (trước ngày 01/01/2017) thì được xem xét việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất hoặc thời điểm bàn giao đất thực tế theo quy định tại Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.



VẤN ĐỀ KHÁC

Thêm Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Theo **Thông tư số 132/2018/TT-BTC** ngày 28/12/2018 của BTC hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các DNSN, bao gồm các DNSN nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai thu nhập tính thuế và phương pháp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ. Tiêu chí xác định DNSN thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. Thông tư quy định phương pháp kế toán áp dụng cho 2 loại hình DNSN: doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo kê khai thu nhập, và doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán được hướng dẫn theo Thông tư này hoặc Chế độ kế toán DN NVV ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC năm 2016 phù hợp với đặc điểm hoạt động sx-kd và yêu cầu quản lý của mình.

Thông tư quy định và hướng dẫn sử dụng 7 tài khoản hạch toán và các biểu mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính dành cho DNSN. Các tài khoản kế toán gồm:

- + TK 111- Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng
- + TK 131- Các khoản nợ phải thu
- + TK 152- Hàng tồn kho
- + TK 211- Tài sản cố định
- + TK 331- Các khoản nợ phải trả
- + TK 411- Vốn chủ sở hữu
- + TK 911- Xác định kết quả sx-kd.

Theo đó: (i) Doanh nghiệp siêu nhỏ có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán được hướng dẫn theo Thông tư 132/2018/TT-BTC hoặc Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC năm 2016; (ii) Doanh nghiệp siêu nhỏ không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng và được ký hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng; (iii) Thông tư này có ban hành kèm theo mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ; (iv) Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo phương pháp tính trên thu nhập tính thuế vẫn phải nộp báo cáo tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và cơ quan đăng ký kinh doanh; (v) Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ nếu không có nhu cầu thì không bắt buộc phải mở các tài khoản kế toán mà chỉ ghi đơn trên sổ kế toán.

Đối với DNSN nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, nếu không có nhu cầu thì không bắt buộc phải mở các tài khoản kế toán mà chỉ ghi đơn trên sổ kế toán; không bắt buộc phải lập BCTC để nộp cho cơ quan thuế. Doanh nghiệp thực hiện các báo cáo theo quy định của pháp luật thuế. Thời gian lập và nộp báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

Về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán: DNSN không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng. Các DNSN nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ có thể tự tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Chương III Thông tư này.

DNSN được ký hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng.

Thông tư này được ban hành khi Đề án Luật Quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung) chưa được Quốc hội thông qua. Do đó, chưa có nội dung hướng dẫn các đại lý thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho các DNSN.

Thông tư 132/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/4/2019.



Hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS

Theo Công văn số 15861/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 của BTC hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS. Theo đó, các đơn vị Kho bạc nhà nước thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu 12 tháng (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018).

Trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách các cấp (từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/01/2019), thực hiện: (i) Hạch toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phát sinh từ ngày 31/12/2018 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển; (ii) Hạch toán tạm ứng đối với vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (iii) Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán; (iv) Hạch toán các khoản ghi thu, ghi chi từ vốn viện trợ không hoàn lại theo lệnh ghi thu, ghi chi của cơ quan tài chính; (v) Hạch toán các khoản ghi thu, ghi chi đối với các khoản chi nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo đề nghị của chủ dự án; (vi) Đối chiếu và điều chỉnh những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán.

Tỷ lệ, mức trích đóng các khoản từ lương của NLĐ năm 2019

Dưới đây là tỷ lệ trích đóng, mức trích đóng các khoản bảo hiểm, công đoàn từ lương của NLĐ (phần NLĐ đóng):

(i) Các khoản BHXH, BHYT, BHTN

* Đối với NLĐ Việt Nam: 8% mức lương tính đóng bảo hiểm vào quỹ hưu trí, tử tuất; 1% mức lương tính đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 1.5% mức lương tính đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm y tế

* Đối với NLĐ nước ngoài làm việc tại Việt Nam: 1.5% mức lương tính đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm y tế

(ii) **Tiền đóng đoàn phí công đoàn:** 1% mức lương tính đóng bảo hiểm nếu có tham gia tổ chức công đoàn.

Mức trích đóng từng khoản nêu trên = Mức lương tham gia BHXH X Tỷ lệ trích đóng

Trong đó, mức lương tính đóng BHXH của NLĐ trong năm 2019 sẽ thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng và không quá mức tối đa.

Căn cứ pháp lý: Luật BHXH 2014, Luật việc làm 2013, Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018, Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018, Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017, Quyết định 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016.



Bảo hiểm
xã hội

Triển khai thực hiện hóa đơn điện tử

Theo **Công văn số 5305/TCT-DNL** ngày 25/12/2018 của TCT, HĐĐT bản chất là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, số dòng có thể tăng lên tùy theo số lượng hàng hóa, sản phẩm có trên hóa đơn. Tuy nhiên, khi chuyển đổi HĐĐT ra hóa đơn giấy, HĐĐT có thể được in ra trên nhiều trang giấy. Do vậy, để phù hợp với đặc thù của hóa đơn điện tử trường hợp hóa đơn điện tử chuyển đổi ra giấy, nếu số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn thì Công ty A thực hiện tương tự trường hợp sử dụng hóa đơn tự in mà việc lập và in hóa đơn thực hiện trực tiếp từ phần mềm và số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn, cụ thể:

Công ty A được thể hiện hóa đơn nhiều hơn một trang nếu trên phần đầu trang sau của hóa đơn có hiển thị: cùng số hóa đơn như của trang đầu (do hệ thống máy tính cấp tự động); cùng tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, người bán như trang đầu; cùng mẫu và ký hiệu hóa đơn như trang đầu; kèm theo ghi chú bằng tiếng Việt không dấu tiếp theo trang trước - trang XJY” (trong đó X là số thứ tự trang và Y là tổng số trang của hóa đơn đó).

VĂN BẢN KHÁC

- **Công văn số 180/TCHQ-TXNK** ngày 07/01/2019 của TCHQ về việc v áp dụng mức thuế nhập khẩu năm 2019.
- **Công văn số 63/TCHQ-GSQL** ngày 03/01/2019 của TCHQ về việc áp dụng thuế ưu đãi đặc đối với hàng hóa XNK tại chỗ.
- **Công văn số 48/TCHQ-KTSTQ** ngày 03/01/2019 của TCHQ về việc miễn thu tiền chậm nộp.
- **Công văn 16300/BTC-CST** ngày 27/12/2018 của BTC về việc thuế GTGT đối với mặt hàng Glucose Syrup nhập khẩu.
- **Công văn số 61/TCT-CS** ngày 05/01/2019 của TCT về việc hướng dẫn việc in, phát hành quản lý và sử dụng Biên lai phí, lệ phí điện tử.
- **Công văn số 85/TCT-QLN** ngày 07/01/2019 của TCT về việc xử lý thu tiền thuế nợ do tổ chức, cá nhân khác nắm giữ.

Văn phòng Hải Phòng

Số 34A phố Máy Tơ, P. Máy Tơ,

Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Tel: 0225 3736 866/ 3222 198

Fax: 0225 3736 869

Email: acacvn@acacvn.com

<http://acacvn.com>

Văn phòng Hà Nội

Tầng 3 tòa nhà Sacombank, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 024 3556 8636

Fax: 024 3556 8635

Email: acacvn@acacvn.com

<http://acacvn.com>